



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/07/2016.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2017: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.38256547 - 39717189
- Fax: (84) 024.39717189
- Website: <http://www.hevobco.com.vn>
- Email: [info@hevobco.com.vn](mailto:info@hevobco.com.vn) - [hevobco@yahoo.com](mailto:hevobco@yahoo.com)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 23 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                         |          |                              |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Tư     | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014     |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng     | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng    | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Trọng Tiến   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014     |

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### *Ban kiểm soát*

- |                        |            |                              |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Đỗ Thị Phương,    | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Vũ Bá Sơn        | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014     |

### *Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                         |                |                              |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Giám đốc       | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng    | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Trần Trọng Tiến   | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng     | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ngô Thị Thanh Bình Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2018



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 05/2018/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 07/01/2018, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

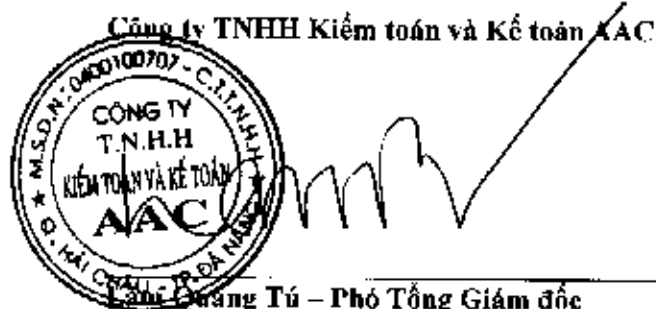
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Ông Trương Tú – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 01 năm 2018

*[Handwritten signature]*

**Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2014-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>18.210.437.041</b>	<b>18.472.127.845</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.537.235.672</b>	<b>2.748.896.405</b>
1. Tiền	111	5	2.537.235.672	1.748.896.405
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>3.589.930.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	143.744.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(53.814.800)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	6.000.000.000	3.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.573.239.268</b>	<b>4.868.299.637</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.745.749.507	3.029.221.996
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	153.510.000	123.816.944
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(326.020.239)	(284.739.303)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>7.088.736.792</b>	<b>7.248.582.082</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.139.536.694	8.322.019.889
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.050.799.902)	(1.073.437.807)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.225.309</b>	<b>16.419.721</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	7.218.000	12.288.412
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.007.309	4.131.309
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.150.357.500</b>	<b>1.147.112.500</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>32.000.000</b>	<b>32.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	32.000.000	32.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	-	-
- Nguyên giá	222		1.009.219.000	1.009.219.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.219.000)	(1.009.219.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>118.357.500</b>	<b>115.112.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	118.357.500	115.112.500
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>19.360.794.541</b>	<b>19.619.240.345</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.578.006.465</b>	<b>4.010.265.655</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.578.006.465</b>	<b>4.010.265.655</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.865.858.048	2.842.798.637
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	79.590.550	43.120.550
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	223.799.121	367.836.876
4. Phải trả người lao động	314		67.684.719	355.433.170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	41.455.850	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	31.679.014	19.653.481
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		267.939.163	381.422.941
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.782.788.076</b>	<b>15.608.974.690</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>15.782.788.076</b>	<b>15.608.974.690</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	962.203.411	788.390.025
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	2.930.584.665	2.930.584.665
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.630.584.665	1.630.584.665
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.300.000.000	1.300.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>19.360.794.541</b>	<b>19.619.240.345</b>



**Ngô Thị Thanh Bình**

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2018

Kế toán trưởng

**Lê Quang Dũng**

Người lập biểu

**Hoàng Quốc Khánh**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	21.787.953.935	21.081.059.025
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		21.787.953.935	21.081.059.025
4. Giá vốn hàng bán	11	21	13.031.281.051	12.496.996.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>8.756.672.884</u>	<u>8.584.062.654</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	414.444.999	438.160.128
7. Chi phí tài chính	22	23	(53.814.800)	27.370.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	1.215.719.403	741.630.844
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	5.796.399.571	5.930.246.081
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.212.813.709</u>	<u>2.322.975.857</u>
11. Thu nhập khác	31	25	31.884.002	41.206.450
12. Chi phí khác	32	26	33.521.634	42.307.745
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(1.637.632)</u>	<u>(1.101.295)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.211.176.077</u>	<u>2.321.874.562</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	473.042.215	499.498.328
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>1.738.133.862</u>	<u>1.822.376.234</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.474	1.482
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	1.474	1.482



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2018

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		21.522.491.288	19.966.031.915
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(14.985.576.792)	(13.300.666.898)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.105.409.500)	(4.364.888.150)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(609.498.328)	(577.623.289)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		338.101.262	20.171.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(916.553.266)	(638.586.879)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.243.554.664</b>	<b>1.104.437.699</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6.a	(6.500.000.000)	(3.500.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6.a	6.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,22	344.784.603	437.084.253
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(155.215.397)</b>	<b>(3.062.915.747)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18.e	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.300.000.000)</b>	<b>(1.300.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(211.660.733)</b>	<b>(3.258.478.048)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	2.748.896.405	6.007.374.453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>2.537.235.672</b>	<b>2.748.896.405</b>



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2018

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**1. Đặc điểm hoạt động**

**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/07/2016.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục; buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

**2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### ***Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### ***Dự phòng***

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí công in, nhuận bút, phí quản lý xuất bản, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên chi phí công in.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Hiện nay, toàn bộ các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được khấu hao hết.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Phí quản lý xuất bản, phí đấu thầu bản thảo trả trước cho các sách chưa in được phân bổ căn cứ vào số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả của Công ty là phí đấu thầu bản thảo của số lượng sách in vượt hợp đồng hoặc giá bìa sách in cao hơn hợp đồng thầu nhưng chưa có hóa đơn.

### 4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm.

### **4.12 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.15 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

*Đơn vị tính: VND*

## 5. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	216.365.747	61.330.552
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.320.869.925	1.687.565.853
<b>Cộng</b>	<b>2.537.235.672</b>	<b>1.748.896.405</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	6.000.000.000	6.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>

#### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	31/12/2017				01/01/2017					
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (i)	Đang hoạt động	0,92%	0,92%	100.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>					<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	718.511.500	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	296.859.900	134.457.390
Các đối tượng khác	1.730.378.107	2.894.764.606
<b>Cộng</b>	<b>2.745.749.507</b>	<b>3.029.221.996</b>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	718.511.500	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư	296.859.900	134.457.390
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	204.591.094	1.087.579.654
<b>Cộng</b>		<b>1.219.962.494</b>	<b>1.222.037.044</b>

### 8. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	29.610.000	-	29.610.000	-
Lãi dự thu	123.900.000	-	94.206.944	-
<b>Cộng</b>	<b>153.510.000</b>	<b>-</b>	<b>123.816.944</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	32.000.000	-	32.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.000.000</b>	<b>-</b>	<b>32.000.000</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 9. Dự phòng phải thu khó đòi

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	326.020.239	284.739.303
- Từ 3 năm trở lên	262.119.481	262.119.481
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	13.328.000	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	47.026.758	2.166.750
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	3.546.000	20.453.072
<b>Cộng</b>	<b>326.020.239</b>	<b>284.739.303</b>

#### b. Nợ xấu

	31/12/2017			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cáo Thơm	50.234.301	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác đã quá hạn trên 3 năm	166.438.846	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	124.913.515	61.012.757	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	Quá hạn thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>387.032.996</b>	<b>61.012.757</b>		

	01/01/2017			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cáo Thơm	50.234.301	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác đã quá hạn trên 3 năm	166.438.846	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	72.510.405	49.890.583	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	Quá hạn thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>334.629.886</b>	<b>49.890.583</b>		

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.912.031	-	22.444.833	-
Thành phẩm	8.110.092.954	(1.050.799.902)	8.273.222.560	(1.073.437.807)
Hàng hóa	18.531.709	-	26.352.496	-
<b>Cộng</b>	<b>8.139.536.694</b>	<b>(1.050.799.902)</b>	<b>8.322.019.889</b>	<b>(1.073.437.807)</b>

- Giá trị sách các loại chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017 là 2.333.218.604 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch tìm kiếm khách hàng, tăng tỷ lệ chiết khấu để tiêu thụ các loại sách này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Phí quản lý xuất bản	7.218.000	12.288.412
<b>Cộng</b>	<b>7.218.000</b>	<b>12.288.412</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Phí đấu thầu bản thảo	118.357.500	115.112.500
<b>Cộng</b>	<b>118.357.500</b>	<b>115.112.500</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn		Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	1.009.219.000		1.009.219.000
Mua sắm trong kỳ	-		-
Giảm trong kỳ	-		-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.009.219.000</b>		<b>1.009.219.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	1.009.219.000		1.009.219.000
Khấu hao trong kỳ	-		-
Giảm trong kỳ	-		-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.009.219.000</b>		<b>1.009.219.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	-		-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>		<b>-</b>

- Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 1.009.219.000 đồng.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần In Phúc Yên	1.387.061.957	779.763.157
Công ty Cổ phần Văn hóa Hà Nội	301.179.970	222.487.439
Phải trả cho các đối tượng khác	1.177.616.121	1.840.548.041
<b>Cộng</b>	<b>2.865.858.048</b>	<b>2.842.798.637</b>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	115.242.468	222.492.200
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	162.492.500	129.714.000
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	-	280.880.324
<b>Cộng</b>		<b>277.734.968</b>	<b>633.086.524</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Hiệu sách Hoàng Hương	79.053.050	16.265.050
Các đối tượng khác	537.500	26.855.500
<b>Cộng</b>	<b><u>79.590.550</u></b>	<b><u>43.120.550</u></b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	124.000	124.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	229.498.328	473.042.215	609.498.328	93.042.215
Thuế thu nhập cá nhân	138.338.548	446.514.941	454.096.583	130.756.906
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>367.836.876</u></b>	<b><u>922.681.156</u></b>	<b><u>1.066.718.911</u></b>	<b><u>223.799.121</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí thuê văn phòng	41.455.850	-
<b>Cộng</b>	<b><u>41.455.850</u></b>	<b><u>-</u></b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	31.679.014	19.014.481
Phải trả khác	-	639.000
<b>Cộng</b>	<b><u>31.679.014</u></b>	<b><u>19.653.481</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2016	10.000.000.000	1.890.000.000	606.152.402	2.930.584.665	15.426.737.067
Tăng trong kỳ	-	-	182.237.623	1.822.376.234	2.004.613.857
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.822.376.234	1.822.376.234
Số dư tại 31/12/2016	10.000.000.000	1.890.000.000	788.390.025	2.930.584.665	15.608.974.690
Số dư tại 01/01/2017	10.000.000.000	1.890.000.000	788.390.025	2.930.584.665	15.608.974.690
Tăng trong kỳ	-	-	173.813.386	1.738.133.862	1.911.947.248
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.738.133.862	1.738.133.862
Số dư tại 31/12/2017	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.930.584.665	15.782.788.076

#### b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2017	Năm 2016
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	1.300.000.000	1.300.000.000

#### c. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

#### d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 15/04/2017 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với tỷ lệ 13%/ vốn điều lệ, tương ứng 1.300.000.000 đồng. Theo đó, công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2017.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.930.584.665	2.930.584.665
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.738.133.862	1.822.376.234
Phân phối lợi nhuận	1.738.133.862	1.822.376.234
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (i)	1.300.000.000	1.300.000.000
+ Chia cổ tức	1.300.000.000	1.300.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (ii)	438.133.862	522.376.234
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	264.320.476	340.138.611
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	173.813.386	182.237.623
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>2.930.584.665</b>	<b>2.930.584.665</b>

- (i) Lợi nhuận sau thuế năm 2016 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 62/ĐH&DN ngày 15/04/2017.
- (ii) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 243/ĐH-DN ngày 27/12/2017.

### 19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

#### Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản

### 20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu sách Đại học - Dạy nghề	21.351.898.561	20.726.747.053
Doanh thu sách liên kết trọn gói	195.210.000	236.690.000
Doanh thu sách tham khảo mua ngoài	239.645.374	117.621.972
Doanh thu khác	1.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.787.953.935</b>	<b>21.081.059.025</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn sách Đại học - Dạy nghề	12.791.233.134	12.157.484.581
Giá vốn sách liên kết trọn gói	50.261.495	167.415.992
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	212.424.327	108.040.102
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.637.905)	64.055.696
<b>Cộng</b>	<b>13.031.281.051</b>	<b>12.496.996.371</b>

### 22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	374.477.659	438.160.128
Lãi bán các khoản đầu tư	39.967.340	-
<b>Cộng</b>	<b>414.444.999</b>	<b>438.160.128</b>

### 23. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(53.814.800)	27.370.000
<b>Cộng</b>	<b>(53.814.800)</b>	<b>27.370.000</b>

### 24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân công	353.788.173	348.281.184
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng tiêu thụ	276.000.230	315.506.110
Các khoản khác	585.931.000	77.843.550
<b>Cộng</b>	<b>1.215.719.403</b>	<b>741.630.844</b>

## THUYẾT MINH MINI BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và vẫn được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân công	3.818.969.778	3.870.875.559
Chi phí thuê nhà	441.302.194	744.489.096
Các khoản khác	1.536.127.599	1.514.881.446
<b>Cộng</b>	<b>5.796.399.571</b>	<b>5.930.246.081</b>

### 25. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Xử lý kiểm kê	29.313.776	38.549.400
Các khoản khác	2.570.226	2.657.050
<b>Cộng</b>	<b>31.884.002</b>	<b>41.206.450</b>

### 26. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Xử lý kiểm kê	33.521.134	38.358.272
Các khoản khác	500	3.949.473
<b>Cộng</b>	<b>33.521.634</b>	<b>42.307.745</b>

### 27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.211.176.077	2.321.874.502
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	154.035.000	175.617.076
- Điều chỉnh tăng	154.035.000	175.617.076
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	70.485.000	83.717.076
+ Thủ lao IIDQT không trực tiếp điều hành	83.550.000	91.900.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.365.211.077	2.497.491.638
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>473.042.215</b>	<b>499.498.328</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	473.042.215	499.498.328
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.738.133.862	1.822.376.234
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(264.320.476)	(340.138.611)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	264.320.476	340.138.611
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.473.813.386	1.482.237.623
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.474</b>	<b>1.482</b>

### 29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân công	4.172.757.951	4.219.156.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.410.338.275	13.488.264.597
Chi phí khác bằng tiền	1.066.106.835	1.013.434.606
<b>Cộng</b>	<b>19.649.203.061</b>	<b>18.720.855.926</b>

### 30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là biên tập, phát hành sách đại học dạy nghề và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

### 31. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

### Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.865.858.048	-	2.865.858.048
Chi phí phải trả	41.455.850	-	41.455.850
<b>Cộng</b>	<b>2.907.313.898</b>	<b>-</b>	<b>2.907.313.898</b>
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.842.798.637	-	2.842.798.637
Phải trả khác	639.000	-	639.000
<b>Cộng</b>	<b>2.843.437.637</b>	<b>-</b>	<b>2.843.437.637</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Bản cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017			Đơn vị tính: VND
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.537.235.672	-	2.537.235.672
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng	2.419.729.268	-	2.419.729.268
Phải thu khác	153.510.000	32.000.000	185.510.000
<b>Cộng</b>	<b>11.110.474.940</b>	<b>1.032.000.000</b>	<b>12.142.474.940</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.748.896.405	-	2.748.896.405
Đầu tư tài chính	89.930.000	1.000.000.000	1.089.930.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Phải thu khách hàng	2.744.482.693	-	2.744.482.693
Phải thu về cho vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khác	123.816.944	32.000.000	155.816.944
<b>Cộng</b>	<b>11.207.126.042</b>	<b>1.032.000.000</b>	<b>12.239.126.042</b>

### 32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 33. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
<b>Bán hàng</b>			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Cung ứng sách ĐH-DN	481.146.030	409.857.220
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách ĐH-DN	2.438.452.894	2.362.915.836
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng sách ĐH-DN	1.193.716.440	1.127.822.931
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng sách ĐH-DN	2.889.226.120	2.962.818.150
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	978.556.020	923.232.880
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	477.206.632	533.801.076
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	178.710.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	731.111.500	-
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Tiền thuê nhà, tiền điện và các dịch vụ khác	183.784.460	206.394.411
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản	704.828.500	630.579.629
	Tem chống giả	43.560.000	65.340.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	241.129.566	247.719.650
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu gốc cho vay	2.000.000.000	1.000.000.000
	Thu lãi cho vay	86.333.336	196.708.335

### c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương Ban Giám đốc	1.261.212.319	1.062.412.000
Thu nhập Hội đồng quản trị	114.700.000	123.040.000

### 34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh